

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HÌNH THỨC CHÍNH QUY
NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

Hà Nội, năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu chương trình	1
Cử nhân Bất động sản.....	1
1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	2
1.3.1. Mục tiêu chung:	2
1.3.2. Mục tiêu cụ thể:	2
1.3.3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn của Trường	2
1.4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh	3
1.4.1 Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo	3
1.4.2 Phương thức tuyển sinh	3
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	4
2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7
2.3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp	7
2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	8
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo	9
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	9
3.3. Khung chương trình đào tạo	9
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	14
3.5. Sơ đồ chương trình dạy học:	21
3.6. Mô tả nội dung theo các khối kiến thức	22
3.6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (34 TC).....	22
3.6.2. Kiến thức cơ sở ngành (15 TC)	22
3.6.3. Kiến thức ngành (63 TC).....	22
3.6.4. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp (10 TC).....	23
3.7. Phương pháp giảng dạy	23
3.8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	23
3.9. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ	24
3.10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu	24

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo đại học ngành Bất động sản đào tạo cử nhân Bất động sản. Đây là chương trình đào tạo chính quy được trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đưa vào đào tạo từ năm 2020. Đến nay đã tuyển sinh được khoảng 550 sinh viên ngành Bất động sản. Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân Bất động sản có kiến thức cơ sở, chuyên môn và kỹ năng thực hành, có đủ năng lực và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về bất động sản; có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là cơ sở đào tạo đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo chu kỳ 2 năm 2023, khẳng định chất lượng đào tạo của nhà trường với xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên ngành đào tạo:
 - Tiếng Việt: Bất động sản
 - Tiếng Anh: Real Estate
- Mã số ngành đào tạo: 7340116
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 4.0 năm
- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 122 tín chỉ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: Cử nhân Bất động sản
 - Tiếng Anh: Bachelor of Real Estate
- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo: Khoa Quản lý đất đai
- Thời gian rà soát, điều chỉnh chương trình gần nhất: Năm 2022
- Áp dụng từ năm và khóa tuyển sinh: Năm 2024, khóa ĐH14
- Thông tin kiểm định chất lượng chương trình đào tạo: Chưa thực hiện kiểm định

1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân bất động sản theo định hướng ứng dụng. Người tốt nghiệp cử nhân ngành Bất động sản có đầy đủ kiến thức, thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng thích ứng với lĩnh vực tài nguyên môi trường, kinh tế, xã hội trong và ngoài nước; có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực đào tạo; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội, khả năng làm việc sáng tạo, độc lập và theo nhóm; có ý thức chủ động học tập, khởi nghiệp, hội nhập khu vực và quốc tế.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, công nghệ, kinh tế - xã hội phù hợp với khối ngành đào tạo để phục vụ công việc chuyên môn, đồng thời đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế.

PO2: Có kiến thức về chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực bất động sản; có kiến thức lý thuyết và thực tế về các công cụ chính sách pháp luật, kinh tế, tài chính, công nghệ kỹ thuật và ngoại ngữ để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

PO3: Có năng lực thực hiện các kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp; sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu, công cụ, công nghệ ngoại ngữ phục vụ các hoạt động thuộc lĩnh vực bất động sản; thực hiện kết nối cá nhân và làm việc nhóm trong vai trò là thành viên hay quản lý. Có kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề chuyên môn cũng như giao tiếp linh hoạt trong các tình huống thực tế.

PO4: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; có ý thức công dân, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có khả năng thích ứng với sự đa dạng của bối cảnh nghề nghiệp trong nước và quốc tế, định hướng tương lai, chủ động học tập suốt đời và có động cơ khởi nghiệp rõ ràng.

1.3.3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn của Trường

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	Sứ mạng	Tầm nhìn
PO1: Có kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, công nghệ, kinh tế	X	

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	Sứ mạng	Tầm nhìn
- xã hội phù hợp với khối ngành đào tạo để phục vụ công việc chuyên môn, đồng thời đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng và hội nhập quốc tế.		
PO2: Có kiến thức về chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực bất động sản; có kiến thức lý thuyết và thực tế về các công cụ chính sách pháp luật, kinh tế, tài chính, công nghệ kỹ thuật và ngoại ngữ để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.	x	
PO3: Có năng lực thực hiện các kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp; sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu, công cụ, công nghệ ngoại ngữ phục vụ các hoạt động thuộc lĩnh vực bất động sản; thực hiện kết nối cá nhân và làm việc nhóm trong vai trò là thành viên hay quản lý. Có kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề chuyên môn cũng như giao tiếp linh hoạt trong các tình huống thực tế.	x	x
PO4: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; có ý thức công dân, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có khả năng thích ứng với sự đa dạng của bối cảnh nghề nghiệp trong nước và quốc tế, định hướng tương lai, chủ động học tập suốt đời và có động cơ khởi nghiệp rõ ràng.	x	x

1.4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh

1.4.1 Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Đáp ứng các điều kiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

1.4.2 Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu chuẩn đầu ra	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức			
PLO1	Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại trong tình hình thực tế ngành bất động sản		3/6
	PI1.1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của ngành bất động sản	25%
	PI1.2	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành bất động sản	25%
	PI1.3	Vận dụng kiến thức công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề của ngành bất động sản	25%
	PI1.4	Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp luật và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại trong tình hình thực tế của ngành bất động sản	25%
PLO2	Áp dụng được kiến thức để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản bằng các công cụ chính sách pháp luật, kinh tế, tài chính và công nghệ, kỹ thuật ngoại ngữ		3/6
	PI2.1	Áp dụng kiến thức giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản bằng các công cụ chính sách pháp luật	30%
	PI2.2	Áp dụng kiến thức giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản bằng các công cụ kinh tế, tài chính	30%
	PI2.3	Áp dụng kiến thức giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản bằng các công cụ công nghệ, kỹ thuật ngoại ngữ	40%

Ký hiệu chuẩn đầu ra	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO3		Hệ thống hoá được các kiến thức về chính sách pháp luật có liên quan đến lĩnh vực bất động sản	4/6
	PI3.1	Hệ thống hóa được các kiến thức về chính sách pháp luật đất đai và nhà ở để quản lý nhà nước về bất động sản và thị trường bất động sản	30%
	PI3.2	Hệ thống hoá được các kiến thức chính sách pháp luật về quy hoạch liên quan đến lĩnh vực bất động sản	30%
	PI3.3	Hệ thống hoá được các kiến thức chính sách pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản và các chính sách pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực bất động sản	40%
PLO4		Phân tích được các kiến thức về quản lý và kinh doanh bất động sản để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp	4/6
	PI4.1	Phân tích được các kiến thức về quản lý và kinh doanh bất động sản để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp	60%
	PI4.2	Kết hợp được các kiến thức về quản lý và kinh doanh bất động sản để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp	40%
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng			
PLO5		Giao tiếp linh hoạt trong các tình huống thực tế; kết nối cá nhân làm việc trong các nhóm đa ngành, đa chức năng, các dự án liên quan trong vai trò là thành viên hay quản lý	3/5
	PI5.1	Kết hợp các kỹ năng giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện và trình bày kết quả công việc	30%
	PI5.2	Kết hợp làm việc cá nhân với làm việc nhóm để giải quyết các tình huống trong thực tiễn	35%
	PI5.3	Kết hợp các cá nhân giải quyết mọi chức năng trong các dự án liên quan đến nhiều lĩnh vực với vai trò quản lý	35%

Ký hiệu chuẩn đầu ra	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO6		Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề chuyên môn	3/5
	PI6.1	Xây dựng tư duy phản biện trong các tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn	50%
	PI6.2	Kết hợp tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề chuyên môn	50%
PLO7		Sử dụng được nguồn dữ liệu, công cụ, công nghệ phục vụ các hoạt động trong lĩnh vực bất động sản	3/5
	PI7.1	Sử dụng được các công cụ, máy móc, thiết bị phục vụ các hoạt động trong lĩnh vực bất động sản	50%
	PI7.2	Sử dụng được nguồn dữ liệu, công nghệ để xử lý, phân tích, đánh giá các hoạt động thuộc lĩnh vực bất động sản	50%
PLO8		Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, hợp đồng, hồ sơ và kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bất động sản	4/5
	PI8.1	Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, hợp đồng, hồ sơ trong lĩnh vực bất động sản	40%
	PI8.2	Thực hiện được các kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng trong lĩnh vực bất động sản	30%
	PI8.3	Thực hiện được các kỹ năng xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bất động sản	30%
3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
PLO9		Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, đảm bảo các chuẩn mực đạo đức và có ý thức trách nhiệm xã hội	3/5
	PI9.1	Thực hiện theo các quy định của pháp luật và nội quy của tổ chức nơi đang học tập, làm việc	60%
	PI9.2	Có đạo đức, ý thức trách nhiệm trong công việc và cộng đồng	40%

Ký hiệu chuẩn đầu ra	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
PL10		Thích ứng với sự đa dạng của bối cảnh nghề nghiệp, định hướng tương lai, chủ động học tập suốt đời và có động cơ khởi nghiệp rõ ràng	4/5
	PI10.1	Nhận diện năng lực bản thân trong biến động của bối cảnh nghề nghiệp, định hướng tương lai	40%
	PI10.2	Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc	40%
	PI10.3	Hình thành các ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với năng lực bản thân	20%

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).

2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU			
		PO1	PO2	PO3	PO4
Kiến thức	PLO1	x			
	PLO2	x			
	PLO3		x		
	PLO4		x		
Kỹ năng	PLO5	x		x	
	PLO6	x		x	
	PLO7			x	
	PLO8			x	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	PLO9				x
	PLO10				x

2.3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ, chuyên viên làm tại các cơ quan quản lý Nhà nước về bất động sản từ cơ quan trung ương đến cơ quan địa phương. Các Tổng công ty, tập đoàn chuyên kinh doanh

Bất động sản và các Hiệp hội bất động sản. Nhân viên thẩm định giá bất động sản tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính, các cơ quan thuế...

- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu; giảng viên tại trường Cao đẳng; trợ giảng tại các trường Đại học có nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành Bất động sản.

- Chuyên gia làm dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực tổ chức trong nước, quốc tế, liên Chính phủ và phi Chính phủ liên quan đến lĩnh vực bất động sản, dự án có liên quan đến bất động sản.

- Kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn hoạt động trong lĩnh vực bất động sản như xây dựng cơ sở dữ liệu bất động sản, tài nguyên môi trường; giá đất; thẩm định giá đất; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng; sàn giao dịch bất động sản; các tổ chức tài chính, tín dụng...

- Chủ các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh cá thể hoặc tự khởi nghiệp trong lĩnh vực bất động sản...

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ; nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn tương ứng với các ngành gần, ngành phù hợp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở giáo dục đại học.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	34	30	04
2	Kiến thức cơ sở ngành	15	09	06
3	Kiến thức ngành	63	30	33
4	Khóa luận tốt nghiệp	10	10	0
	Tổng	122	79	43

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
- Kiến thức giáo dục đại cương	1	1	-	-	1	-	-	-	1	1
- Kiến thức cơ sở ngành	-	-	3	-	2	1	1	-	1	1
- Kiến thức ngành	-	2	2	2	3	1	2	2	2	3
- Khóa luận tốt nghiệp	1	2	3	3	3	2	3	3	3	3

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		34	595	70	1.260	
1.1	Các học phần chung		21	280	70	630	
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	90	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	60	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60	
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	60	
6	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	30	0	60	
7	CTKU101	Tin học đại cương	2	15	30	60	
8	NNTA164	Ngoại ngữ 1	3	35	20	90	
9	NNTA165	Ngoại ngữ 2	3	35	20	90	
		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	-	-	-	
		<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	9	-	-	-	
		<i>Kỹ năng bổ trợ</i>	3	-	-	-	
1.2	Các học phần của Trường (chọn 2 TC/ 6 TC)		2	90	0	180	
10	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	2	30	0	60	
11	MTQM102	Môi trường và phát triển	2	30	0	60	
12	MTQM104	Tăng trưởng xanh và bền vững	2	30	0	60	
1.3	Các học phần của lĩnh vực		11	225	0	450	
1.3.1	Các học phần bắt buộc		9	135	0	270	
13	KTKH101	Kinh tế vi mô	3	45	0	90	
14	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	90	
15	KTKD105	Quản trị học	3	45	0	90	
1.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 TC/ 6 TC)		2	90	0	180	
16	KTKH144	Toán kinh doanh	2	30	0	60	
17	KTKH145	Toán tài chính	2	30	0	60	
18	KTKH133	Thống kê doanh nghiệp	2	30	0	60	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		88	1.301	1.178	3.780	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		15	340	70	750	
2.1.1	Các học phần bắt buộc		9	120	30	270	
19	QĐQB166	Quản lý nhà nước về bất động sản	3	45	0	90	
20	QĐKQ122	Quy hoạch đô thị	3	45	0	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
21	TBTĐ162	Trắc địa đại cương	3	30	30	90	
2.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 6 TC/16 TC)		6	220	40	480	
22	QĐCT110	Xã hội học đại cương	2	30	0	60	
23	KĐHH106	Địa lý kinh tế	2	30	0	60	
24	QĐKQ116	Phong thủy trong bất động sản	2	25	10	60	
25	MTQT153	Quản lý tài nguyên môi trường	2	30	0	60	
26	KTKD169	Quản trị kinh doanh	2	30	0	60	
27	KTKD194	Khởi tạo doanh nghiệp	3	45	0	90	
28	TBBV140	Bản đồ học	3	30	30	90	
2.2	Kiến thức ngành		63	961	808	2.730	
2.2.1	Các học phần bắt buộc		30	345	210	900	
29	QĐQB152	Thị trường bất động sản *	2	25	10	60	
30	QĐQB104	Chính sách đất đai	3	45	0	90	
31	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất*	3	45	0	90	
32	QĐQB155	Chính sách về doanh nghiệp và Kinh doanh bất động sản	3	40	10	90	
33	QĐCT123	Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu bất động sản	3	30	30	90	
34	QĐCT124	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bất động sản	3	30	30	90	
35	QĐQB156	Đăng ký và thống kê bất động sản	3	40	10	90	
36	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	3	45	0	90	
37	QĐKQ126	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	90	
38	QĐKQ127	Thực tập quy hoạch	4	0	120	120	QĐKQ122 QĐKQ107
2.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 33 TC/61TC)		33	616	598	1.830	
39	QĐQB134	Tài chính và đầu tư bất động sản	2	30	0	60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
40	QĐCT122	Khởi nghiệp trong lĩnh vực bất động sản	2	30	0	60	
41	QĐQB133	Quản lý vận hành bất động sản	2	25	10	60	
42	QĐKQ117	Kinh tế bất động sản	2	30	0	60	
43	QĐQB157	Định giá bất động sản	2	30	0	60	
44	QĐCT125	Phát triển dự án bất động sản	2	25	10	60	
45	QĐCT117	Hệ thống thông tin bất động sản	2	30	0	60	
46	QĐCT126	Quản lý xây dựng và nhà ở	2	25	10	60	
47	QĐQB158	Quản lý rủi ro bất động sản	3	45	0	90	
48	QĐCT128	Văn hoá và đạo đức kinh doanh	3	45	0	90	
49	QĐKQ112	Quy hoạch cảnh quan	2	30	0	60	
50	QĐQB142	Dịch vụ công về bất động sản	2	30	0	60	
51	QĐKQ118	Quy hoạch xây dựng nông thôn	2	30	0	60	
52	MTQM152	Đánh giá tác động môi trường	2	26	8	60	
53	QĐCT127	Ứng dụng GIS trong quản lý bất động sản*	2	20	20	60	
54	QĐQB172	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	2	30	0	60	
55	QĐQB160	Marketing và Môi giới bất động sản	3	45	0	90	
56	QĐQB115	Thanh tra đất đai và xây dựng	3	45	0	90	
57	QĐCT133	Thực hành tin học ứng dụng trong bất động sản	3	0	90	90	QĐCT123 QĐCT124
58	QĐQB162	Thực tập kinh doanh bất động sản	6	0	180	180	QĐQB157 QĐQB160
59	QĐQB163	Giao dịch và đàm phán kinh doanh bất động sản	3	45	0	90	
60	QĐQB161	Thực hành tài chính và đầu tư bất động sản	3	0	90	90	QĐQB134

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
61	QĐQB164	Thực hành phân tích thị trường bất động sản	3	0	90	90	QĐQB152
62	QĐCT129	Thực hành phát triển dự án bất động sản	3	0	90	90	QĐCT125
2.3	Khóa luận tốt nghiệp		10	0	300	300	
63	QĐQB165	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300	300	
TỔNG			122	1.896	1.248	5.040	

Ghi chú: Các học phần dự kiến giảng dạy bằng tiếng Anh ()*

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng						Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			Tổng								
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9		PLO10		
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2		PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI10.1	PI10.2	PI10.3
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		34																												
1.1	Các học phần chung		21																												
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3				2								2	2				2					2	2				6	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				2								2	2				2					2	2				6	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2								2	2				2					2	2				6	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2								2	2				2					2	2				6	
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2								2	2				2					2	2				6	
6	LCPL101	Pháp luật đại cương	2				3	2				1			1					2	2				3	2				10	
7	CTKU101	Tin học đại cương	2				3													3						2		2		4	
8	NNTA164	Ngoại ngữ 1	3			3						2			2										2	2		3		6	
9	NNTA165	Ngoại ngữ 2	3			3						2			2										2	2		3		6	
1.2	Các học phần của Trường (chọn 2 TC/6 TC)		2																												
10	KTKH142	Chuyên đổi số tài nguyên và môi trường	2	2			2							2									2	2		2				6	
11	MTQM102	Môi trường và phát triển	2	2			2									2												2		4	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng						Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			Tổng								
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9		PLO10		
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2		PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI10.1	PI10.2	PI10.3
12	MTQM104	Tăng trưởng xanh và bền vững	2	2		2										2								2				2			5
1.3	Các học phần của lĩnh vực		11																												
1.3.1	Các học phần bắt buộc		9																												
13	KTKH101	Kinh tế vi mô	3								2						2		2					2						4	
14	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	3	1													2		2							2				4	
15	KTKD105	Quản trị học	3					2						1			2							1						4	
1.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 TC/6 TC)		2																												
16	KTKH144	Toán kinh doanh	2							2							2		2					2						4	
17	KTKH145	Toán tài chính	2									2		2												2				3	
18	KTKH133	Thống kê doanh nghiệp	2							2							2			2				2						4	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		88																												
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		15																												
2.1.1	Các học phần bắt buộc		9																												
19	QĐQB166	Quản lý nhà nước về bất động sản	3					2			1		1		2									1			2			7	
20	QĐKQ122	Quy hoạch đô thị	3							3		2					1								2		2			5	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng						Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			Tổng									
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9		PLO10			
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2		PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI10.1	PI10.2	PI10.3	
21	TBTD162	Trắc địa đại cương	3								2				1							1					1		2			5
2.1.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 6 TC/16 TC)</i>		6																													
22	QĐCT110	Xã hội học đại cương	2		2											3		3									2		3			5
23	KĐHH106	Địa lý kinh tế	2	2													1							2								3
24	QĐKQ116	Phong thủy trong bất động sản	2	2						2				2								2							2			6
25	MTQT153	Quản lý tài nguyên môi trường	2	3					2										2							2			2		5	
26	KTKD169	Quản trị kinh doanh	2							2	2	2						2											2			5
27	KTKD194	Khởi tạo doanh nghiệp	3					2	2					1				2	1											3		6
28	TBBV140	Bản đồ học	3										2							2	2						2		1			5
2.2	Kiến thức ngành		63																													
2.2.1	Các học phần bắt buộc		30																													
29	QĐQB152	Thị trường bất động sản *	2							3				2												2						4
30	QĐQB104	Chính sách đất đai	3					3				3						2								2			2			6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng						Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			Tổng																
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9		PLO10										
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2		PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI10.1	PI10.2	PI10.3								
31	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất*	3					3					3							1					2					2	2			2					7
32	QĐQB155	Chính sách về doanh nghiệp và Kinh doanh bất động sản	3					3					2		3										1									2					5
33	QĐCT123	Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu bất động sản	3										2		3										2		2			2	2								6
34	QĐCT124	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bất động sản	3										3		2										3		2			3	3	2	1						8
35	QĐQB156	Đăng ký và thống kê bất động sản	3										3	3		2	2			1	1						2							2					8
36	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	3										3							1	1				1					2				2					6
37	QĐKQ126	Tiếng Anh chuyên ngành	3										2					2																2					4
38	QĐKQ127	Thực tập quy hoạch	4										3		2		3										3	2	2										6
2.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 33 TC/ 61 TC)		33																																				

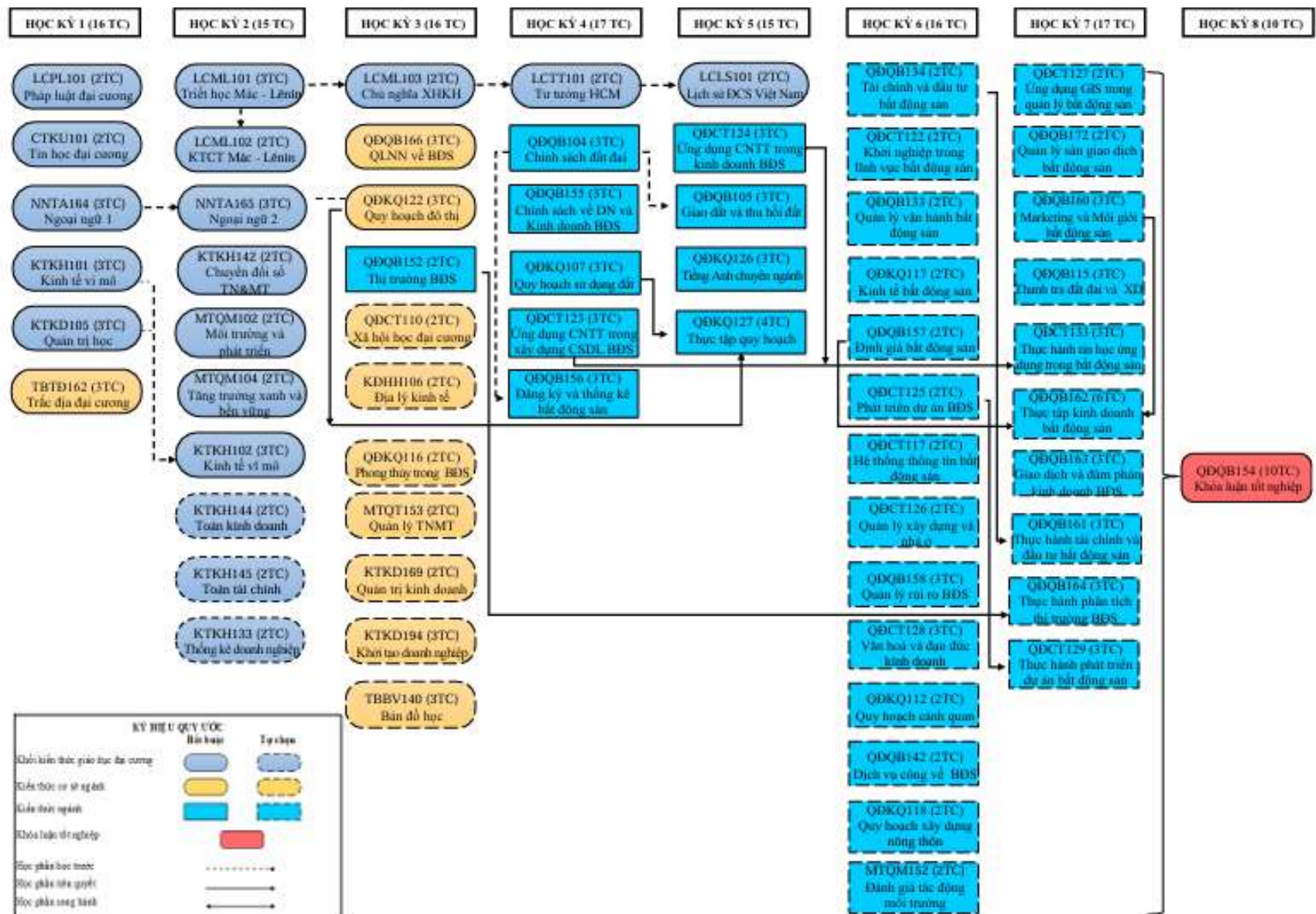
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng									Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			Tổng						
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8				PLO9		PLO10			
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI8.3		PI9.1	PI9.2	PI10.1	PI10.2	PI10.3	
39	QĐQB134	Tài chính và đầu tư bất động sản	2								3		2													2		2		5		
40	QĐCT122	Khởi nghiệp trong lĩnh vực bất động sản	2				3										3			2	1								2		3	6
41	QĐQB133	Quản lý vận hành bất động sản	2							1		1		2								2					1			5		
42	QĐKQ117	Kinh tế bất động sản	2						2				3											3				2			4	
43	QĐQB157	Định giá bất động sản	2										3	3													3		3		6	
44	QĐCT125	Phát triển dự án bất động sản	2									3	3													3		3		6		
45	QĐCT117	Hệ thống thông tin bất động sản	2									3		3													2		2	2	8	
46	QĐCT126	Quản lý xây dựng và nhà ở	2							3				2	2														2		4	
47	QĐQB158	Quản lý rủi ro bất động sản	3									1	2			2												1		7		
48	QĐCT128	Văn hoá và đạo đức kinh doanh	3													3										2	3			5		
49	QĐKQ112	Quy hoạch cảnh quan	2									2														2		2		4		
50	QĐQB142	Dịch vụ công về bất động sản	2									2														3		1	1	5		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng									Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm					Tổng				
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9			PLO10			
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2		PI10.1	PI10.2	PI10.3	
51	QĐKQ118	Quy hoạch xây dựng nông thôn	2										2		2													3			5	
52	MTQM152	Đánh giá tác động môi trường	2					2									2								2			2			4	
53	QĐCT127	Ứng dụng GIS trong quản lý bất động sản*	2									3		3							3	3	3					3	2		7	
54	QĐQB172	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	2										3		2	3									3	2			2	1		7
55	QĐQB160	Marketing và Môi giới bất động sản	3					2						2															1		5	
56	QĐQB115	Thanh tra đất đai và xây dựng	3										3	2		3												2		2		6
57	QĐCT133	Thực hành tin học ứng dụng trong bất động sản	3										3				2											2		2		8
58	QĐQB162	Thực tập kinh doanh bất động sản	6					3					3	3														3	3			10
59	QĐQB163	Giao dịch và đàm phán kinh doanh bất động sản	3											2		3													1		5	
60	QĐQB161	Thực hành tài chính và đầu tư bất động sản	3										3	2		3												2	2		6	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín	Chuẩn đầu ra về kiến thức										Chuẩn đầu ra về kỹ năng									Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm					Tổng								
				PLO1				PLO2			PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9			PLO10							
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2		PI10.1	PI10.2	PI10.3					
61	QĐQB164	Thực hành phân tích thị trường bất động sản	3					2						2	2				2			1	1										3			7
62	QĐCT129	Thực hành phát triển dự án bất động sản	3						2												2							2					2			5
2.3	Khóa luận tốt nghiệp		10																																	
63	QĐQB165	Khóa luận tốt nghiệp	10							3	3		2	3				2						3	3		2	3	3			2				12
Tổng			122	7	3	3	8	10	6	10	15	7	20	21	12	18	17	1	24	19	8	15	7	11	6	21	38	11	34	6						
Các học phần có mức đóng góp nhiều (mức 3)				1	2	1	2	4	0	6	7	2	11	5	3	4	5	0	2	2	2	4	4	6	3	3	4	4	6	2						
Các học phần có mức đóng góp nhiều (mức 2)				5	1	2	6	6	6	3	5	4	9	13	8	12	12	1	15	10	5	8	1	5	3	16	31	6	23	3						
Các học phần có mức đóng góp nhiều (mức 1)				1	0	0	0	0	0	1	3	1	0	3	1	2	0	0	7	7	1	3	2	0	0	2	3	1	5	1						

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.5. Sơ đồ chương trình dạy học:



3.6. Mô tả nội dung theo các khối kiến thức

3.6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (34 TC)

Khối kiến thức Giáo dục đại cương trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật đại cương, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định chung, ngoại ngữ, khoa học cơ bản, công nghệ thông tin và các kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội và môi trường nhằm giúp người học phát triển bản thân, hình thành các kỹ năng, sẵn sàng tiếp cận phần khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Khối kiến thức này bao gồm 34 tín chỉ, trong đó 30 tín chỉ bắt buộc, 4 tín chỉ tự chọn, gồm các học phần chung (lý luận chính trị; pháp luật đại cương; tin học đại cương; ngoại ngữ), các học phần của trường (chuyển đổi số tài nguyên và môi trường; môi trường và phát triển; tăng trưởng xanh và bền vững) và các học phần của lĩnh vực tài nguyên và môi trường như Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán.

3.6.2. Kiến thức cơ sở ngành (15 TC)

Khối kiến thức cơ sở ngành trang bị cho người học kiến thức cơ sở để giúp người học hiểu các kiến thức cơ bản làm nền tảng tiếp cận phần khối kiến thức ngành. Khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm các kiến thức, kỹ năng về trắc địa địa cương, địa lý kinh tế, quản lý Nhà nước về bất động sản, kinh tế bất động sản, Xã hội học đại cương, Quy hoạch đô thị, Phong thủy trong bất động sản ... Khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm 15 tín chỉ, trong đó 9 tín chỉ bắt buộc, 6 tín chỉ tự chọn.

3.6.3. Kiến thức ngành (63 TC)

Khối kiến thức ngành bao gồm 63 tín chỉ, trong đó 30 tín chỉ bắt buộc, 33 tín chỉ tự chọn. Đây là khối kiến thức trang bị cho người học kiến thức ngành, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để đáp ứng mục tiêu phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực bất động sản bao gồm các kiến thức, kỹ năng về khoa học và công nghệ, quản lý nhà nước, doanh nghiệp và phục vụ cộng đồng; kỹ năng hình thành ý tưởng, xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện và đưa ra các quyết định trong thực hành nghề nghiệp lĩnh vực bất động sản. Các học phần về lý thuyết trong khối kiến thức ngành gồm: Chính sách đất đai; Chính sách về doanh nghiệp và Kinh doanh bất động sản; Quy hoạch sử dụng đất; Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu bất động sản; Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bất động sản; Đăng ký và thống kê bất động sản; Định giá bất động sản; Khởi nghiệp trong lĩnh vực bất động sản; Giao đất và thu hồi đất, Thanh tra đất đai và xây dựng, Quản lý vận hành bất động sản, Phát triển dự án bất động sản, Quản lý

xây dựng và nhà ở, Hệ thống thông tin bất động sản.... Bên cạnh đó các học phần về thực hành và thực tập cụ thể như: Thực tập quy hoạch; Thực hành tin học ứng dụng trong bất động sản; Thực tập kinh doanh bất động sản; Thực hành tài chính và đầu tư bất động sản...

3.6.4. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp (10 TC)

Khoá luận tốt nghiệp giúp người học trải nghiệm thực tế, tổng hợp kiến thức, vận dụng kiến thức, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý cũng như kinh doanh bất động sản. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học và những kiến thức thực tế trong lĩnh vực bất động sản để thực tập tại cơ sở thực tập và nghiên cứu một đề tài và viết báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài đó theo đề cương nghiên cứu và đạt được những mục tiêu đã đặt ra đối với đề tài.

3.7. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy trong chương trình đào tạo được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo nhằm thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy từng học phần được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết, bao gồm chủ yếu các phương pháp sau:

- a) Thuyết trình, giảng dạy tích hợp;
- b) Thực hành, thực tập;
- c) Tham quan thực tế;
- d) Học tập thông qua các phương thức mô phỏng thực tế nghề nghiệp như bài tập tình huống, dự án hoặc các phương thức khác;
- đ) Học tập hợp tác thông qua dự án hay bài tập làm việc theo nhóm;
- e) Học tập thông qua giải quyết vấn đề, trong đó nhấn mạnh đến việc thu thập, đánh giá thông tin, đề xuất giải pháp và trình bày kết quả;
- f) Học tập thông qua cách tích hợp học tập trong các hoạt động khác nhau để trang bị cho người học năng lực tự học;
- g) Áp dụng các phương thức học tập ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, có thể kết hợp giảng dạy, đánh giá trực tiếp và trực tuyến;
- h) Học tập thông qua trải nghiệm tại môi trường làm việc thực tế.

3.8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá

tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 40% điểm đánh giá quá trình và 60% điểm thi kết thúc học phần;

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà, Bài tập thảo luận nhóm; Bài kiểm tra điều kiện... ..

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần: Bài tự luận; Viết báo cáo; Trắc nghiệm; Vấn đáp... ..

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần, khóa luận tốt nghiệp dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ chính xác và công bằng, đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo hiện hành.

3.9. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Số lượng, trình độ, tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Luật Giáo dục đại học, quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3.10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Hệ thống cơ sở vật chất hiện tại bao gồm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường. Những nội dung này được thể hiện chi tiết trong đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo Ba công khai của Trường... được thường xuyên cập nhật trong báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

3.11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên. Trừ học kỳ đầu tiên, các học kỳ tiếp theo sinh viên được đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết học phần.

3.12. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

- Các chương trình đào tạo Đại học bất động sản trong nước bao gồm các trường có truyền thống đào tạo ngành Bất động sản như:

- + Đại học Kinh tế quốc dân
- + Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- + Đại học Nam Cần Thơ
- + Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

- Các chương trình đào tạo Cử nhân Bất động sản ngoài nước bao gồm:

- + Đại học Quốc gia Singapore
- + Đại học Phillipin
- + Đại học San diego, Hoa Kỳ

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2024

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

TRƯỞNG KHOA



Phạm Thị Hồng Phương

Phạm Anh Tuấn